

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST

Ngày: 29 - 9 - 2023

"V/v: Tranh chấp chia di sản
thừa kế"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiu

2. Ông Phạm Xuân Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp chia di sản thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1955; Địa chỉ: thôn Cẩm B, xã Ứng H, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: thôn Tân Q, xã Quang K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; Địa chỉ: thôn Tân Q, xã Quang K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; địa chỉ: tổ 1, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn Đoàn X, xã Tân Q, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn Cẩm B, xã Ứng H, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương

5. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ trước đây ở thôn Tân Q, xã Quang K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương nhưng bà Hiệp bỏ nhà đi từ tháng 02/1993 đến nay không biết ở đâu.
(Tại phiên tòa có mặt ông Từ, bà Liên, bà Nhuận. Vắng mặt bà Lan, bà Thắm, ông Thi, bà Hiệp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Ttrình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung như sau:

Ông Từ đề nghị: Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 470, tờ bản đồ số 4, diện tích 310 m² có địa chỉ tại thôn Tân Q, xã Quang K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Tứ Kỳ cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 10/7/2000 mang tên ông Vũ Văn Long và bà Nguyễn Thị Nhã theo di chúc bà Nhã đã lập ngày 22/10/2015 và của ông Long theo quy định pháp luật.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu cầu kiện nêu trên nguyên đơn đưa ra:

Ông Vũ Văn Long (*Tên gọi khác Vũ Hồng Long*) sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Nhã sinh năm 1970 kết hôn vào năm 1992, hai ông bà không có con chung. Ông Long có bố là cụ Vũ Văn Vi (*tên gọi khác Vũ Hồng Thanh*) chết năm 1996, mẹ là cụ Nguyễn Thị Cậy chết năm 2021, có em ruột là bà Vũ Thị L và bà Vũ Thị H. Còn bà Nhã có bố là cụ Nguyễn Văn Kịch chết năm 1974, mẹ là cụ Nguyễn Thị Tươi chết năm 1988, có chị là bà Nguyễn Thị L, anh là ông Nguyễn Xuân T, chị là bà Nguyễn Thị T, chị là bà Nguyễn Thị N, em là ông Nguyễn Văn T. Sau khi kết hôn, ông Long và bà Nhã sinh sống cùng cụ Vi và cụ Cậy trên thửa đất số 470 tờ bản đồ số 4 thuộc thôn Tân Quang xã Quang Khải. Năm 1996, cụ Vi chết. Năm 2000, vợ chồng bà Nhã ông Long được chủ tịch UBND huyện Tứ Kỳ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Long và bà Nhã. Đến năm 2010, ông Long chết không để lại di chúc. Sau khi ông Long chết, bà Nhã vẫn sống cùng cụ Cậy, một thời gian sau bà Nhã mắc bệnh ung thư phải điều trị tại Bệnh viện lao phổi Hải Dương, thời gian bà Nhã điều trị tại bệnh viện chỉ có ông và chị em của bà Nhã trông nom chăm sóc bà Nhã còn phía gia đình ông Long chỉ đến thăm hỏi chứ không quan tâm chăm sóc bà Nhã, thậm chí để có tiền điều trị, chi trả viện phí cho bà Nhã ông và vợ còn phải vay tiền theo diện hộ nghèo số tiền 40 triệu đồng. Ngày 30/12/2015 bà Nhã chết. Trước khi chết, bà Nhã lập di chúc với nội dung để lại phần tài sản là QSDĐ của bà (50% diện tích đất và phần thừa kế của bà đối với di sản của ông Long để lại) cho ông Nguyễn Xuân T, thời điểm bà Nhã lập di chúc đã nhờ chị Hoàng Thị Kim Huê đánh máy giúp và có sự chứng kiến của ông Phạm Văn Huân là luật sư và bà Lê Thị Tố Nga điều dưỡng trực khoa Ung bướu, ngoài ra còn có xác nhận của lãnh đạo bệnh viện. Sau khi bà Nhã chết, cụ Cậy là người quản lý nhà đất. Đến năm

2021, cụ Cây chết. Đến nay, do giữa ông và bà Vũ Thị L không thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế nên ông Từ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo di chúc bà Nhã để lại.

- *Bị đơn bà Vũ Thị L trình bày:* Bố mẹ bà là cụ Vũ Hồng Thanh chết năm 1996 và cụ Nguyễn Thị Cây chết năm 2021. Cụ Thanh, cụ Cây có 03 người con là Vũ Hồng Long, Vũ Thị L và Vũ Thị H. Trước đây gia đình bà không sinh sống tại thôn Tân Quang, xã Quang Khải mà sinh sống tại Thái Nguyên do bố mẹ bà lúc đó làm Công nhân tại Công ty gang thép Thái Nguyên. Năm 1980 bố mẹ bà nghỉ hưu mới chuyển về sinh sống tại thôn Tân Quang, xã Quang Khải. Khi về, khi về do không có đất để ở nên phải ở nhờ nhà chú ruột bà là ông Vũ Ngọc Đông khoảng 02 năm thì chuyển ra ở nhờ sân kho của thôn Tân Quang, xã Quang Khải. Năm 1985 thì gia đình xin địa phương cấp đất và được địa phương cấp đất để ở. Năm 1986, bố mẹ bà làm nhà trên đất để ở, gia đình bà sinh sống trên đất, đến năm 1990 bà đi lấy chồng ở cùng thôn và chuyển về sinh sống cùng gia đình chồng, năm 1992 ông Long kết hôn với bà Nguyễn Thị Nhã và sinh sống cùng bố mẹ bà, còn bà Vũ Thị H ở cùng bố mẹ đến khoảng năm 1996 thì đi làm ăn xa thi thoảng 01 - 02 năm mới về nhà, hiện nay bà cũng không biết bà Hiệp ở đâu nên không cung cấp địa chỉ cho Tòa án được.

Thời điểm xin cấp đất thì bố mẹ bà là người xin, lúc đó ông Long có nhà hay không thì bà không nhớ, chỉ nhớ ông Long có giai đoạn làm công nhân ở Lạng Sơn. Sau khi kết hôn với bà Nhã đến năm 1999-2000 thì ông Long, bà Nhã phá dỡ nhà cũ của bố mẹ để xây nhà mới, khi ông Long làm nhà bà còn đến giúp ông Long, bà Hiệp còn gửi tiền cho ông Long làm nhà. Năm 2010 ông Long chết, bà Nhã ở cùng với mẹ bà đến năm 2015 bà Nhã chết chỉ còn một mình cụ cây sinh sống trên đất. Năm 2021 thì cụ cây chết.

Theo đơn khởi kiện của ông Từ đề nghị chia di sản thừa kế theo di chúc bà Nhã lập trước khi chết để lại thì bà không đồng ý vì bà xác định diện tích đất hiện đang có tranh chấp là do bố mẹ bà xin của chính quyền địa phương và là của bố mẹ bà chứ không phải của ông Long, bà Nhã, bên cạnh đó khi bố mẹ bà còn sống chưa cho đất ông Long, bà Nhã nên việc bà Nhã lập di chúc là không hợp pháp vì khi bà Nhã lập di chúc thì cụ Cây vẫn còn sống nhưng trong di chúc không có nội dung nào thể hiện quyền lợi của cụ Cây. Bà Liên đề nghị không chia đất mà để làm nơi thờ cúng. Đối với các công trình xây dựng trên đất bà xác định do vợ chồng ông Long, bà Nhã làm, ngoài ra còn một số cây chuối do bà trồng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà là chị gái của bà Nhã và là em ông Từ, bà nhất trí với ý kiến mà ông Từ đã trình bày, đối với di chúc bà Nhã lập để lại toàn bộ phần quyền về tài sản

trong khối tài sản chung của bà Nhã và ông Long cho ông Từ thì bà và các chị em khác trong gia đình hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến cũng như không đòi hỏi quyền lợi gì.

- *Biên bản xác minh tại Bệnh viện lao phổi Hải Dương thể hiện:* Ông Tiêu Văn Khôi - Nguyên Trưởng khoa lao, HIV kháng thuốc và Điều dưỡng viên Lê Thị Tố Nga xác định bà Nguyễn Thị Nhã nhập viện điều trị ngày 07/10/2015 tại bệnh viện với chuẩn đoán ung thư phổi giai đoạn 4 (giai đoạn cuối) di căn màng phổi, não, xương suy kiệt. Ông Khôi và bà Nga xác định có chứng kiến việc bà Nhã lập di chúc và ký vào di chúc là hoàn toàn tự nguyện, ông bà có ký vào di chúc để làm chứng, đối với ông Khôi lúc đó ký với tư cách lãnh đạo nên đã đóng dấu của bệnh viện. Ngoài ra ông Khôi, bà Nga còn trình bày việc bà Nhã lập di chúc còn có các bệnh nhân khác cùng phòng với bà Nhã chứng kiến.

- *Biên bản xác minh tại UBND xã Quang Khải thể hiện:* Cụ Vũ Văn Vi và cụ Nguyễn Thị Cậy có 03 người con là Vũ Văn Long, Vũ Thị H và Vũ Thị L, sau một thời gian đi làm công nhân ở Thái Nguyên mới chuyển về sinh sống tại thôn Tân Quang, xã Quang Khải. Khi về gia đình hai cụ chưa có nhà đất để ở, sau đó xin UBND xã cấp đất cho để ở, ai là người xin cấp thì địa phương không xác định được, chỉ biết sau khi được cấp đất thì làm nhà ở. Năm 1992 ông Long kết hôn với bà Nhã và vẫn ở trên đất.

Thời điểm lập bản đồ 299 vào năm 1986, lúc này thửa đất trên không thể hiện đăng ký tên ai, không thể hiện số thửa, chỉ thể hiện hình thửa còn lý do vì sao địa phương không nắm được. Theo bản đồ năm 2000 được thể hiện tại tờ bản đồ số 4, thửa đất 470, diện tích 310 m² đăng ký chủ sử dụng là ông Vũ Văn Long, sau đó được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Vũ Văn Long và bà Nguyễn Thị Nhã, ông Long bà Nhã sử dụng đất ổn định từ khi được cấp giấy đến nay ổn định, không có tranh chấp. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với ông Long, bà Nhã hiện địa phương chỉ còn lưu giữ hồ sơ địa chính 299, 2000 và biên bản xác định ranh giới mốc giới.

Qua kiểm tra các tài liệu lưu trữ tại địa phương thể hiện có chỗ là Vũ Văn Long, có chỗ là Vũ Hồng Long là do sai sót khi ghi chép và cùng là một người. Đối với hiện trạng của thửa đất hiện nay là 321, 7 m² tăng 11,7 m² là do sai sót trong quá trình đo đạc và tính toán thủ công. UBND xã đề nghị không đưa UBND xã vào tham gia tố tụng trong vụ án và căn cứ vào các tài liệu mà UBND xã cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Biên bản xác minh tại Phòng tài nguyên và môi trường huyện Tứ Kỳ thể hiện:* Qua tra cứu tài liệu lưu trữ tại phòng Tài nguyên và môi trường huyện xác định không còn lưu trữ các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc cấp GCN QSD đất cho ông Vũ Văn Long và bà Nguyễn Thị Nhã vì khi cấp giấy dựa trên hồ sơ đề

ng nghị của UBND xã Quang Khải, sau khi cấp giấy thì các tài liệu, hồ sơ liên quan được chuyển về xã để lưu trữ, thời điểm cấp giấy cho ông Long, bà Nhã là cấp đồng loạt cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ. Mặt khác sau khi cấp giấy cho ông Long, bà Nhã thì UBND huyện Tứ Kỳ không nhận được bất kỳ văn bản, khiếu nại nào của những người có liên quan như mẹ, chị em của ông Long về việc cấp giấy. Do đó, UBND huyện Tứ Kỳ xác định việc cấp GCN QSD đất cho ông Long, bà Nhã đối với tài thửa đất số 470, tờ bản đồ số 4, diện tích 310 m² có địa chỉ tại thôn Tân Q, xã Quang K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương là đúng quy định của pháp luật. Ông Long, bà Nhã sử dụng thửa đất ổn định từ khi được cấp giấy đến khi chết nên đối với yêu cầu khởi kiện của các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản ông Long, bà Nhã chết để lại là thửa đất số 470, tờ bản đồ số 4, diện tích 310 m² có địa chỉ tại thôn Tân Q, xã Quang K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương và các tài sản trên đất theo di chúc bà Nhã để lại. Nếu bà Liên muốn nhận di sản bằng hiện vật và nhận toàn bộ tài sản là nhà đất thì có nghĩa vụ thanh toán trả ông bằng tiền đối với phần ông được hưởng theo di chúc, còn nếu bà Liên không muốn nhận bằng hiện vật mà muốn hưởng giá trị bằng tiền thì ông đề nghị giao toàn bộ nhà đất cho ông, ông có trách nhiệm thanh toán trả bà Liên bằng tiền.

- Bị đơn bà Vũ Thị L trình bày trong thời gian bà Nhã điều trị tại bệnh viện thì lúc đó chồng bà mới mất, sức khỏe bà yếu nên không thể đến bệnh viện chăm sóc, thăm hỏi bà Nhã được. Tuy nhiên em bà, con cháu và họ hàng trong gia đình có đến bệnh viện để thăm hỏi bà Nhã. Đối với số tiền ông Từ trình bày vay để điều trị cho bà Nhã thì bà không biết vay từ khi nào và vay bao nhiêu. Đến nay ông Từ khởi kiện yêu cầu chia di sản theo di chúc của bà Nhã thì bà không đồng ý, đối với di sản là đất và tài sản trên đất bà đồng ý nhận toàn bộ nhưng không đồng ý thanh toán trả phần ông Từ được hưởng vì bà chỉ dùng nhà đất làm nơi thờ cúng.

-Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các613, 614, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 634, 643, 649, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự; Điều 147, 157, 165 BLTTDS, Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T. Xác định di sản thừa kế do ông Vũ Văn Long và bà Nguyễn Thị Nhã để lại là thửa đất 470 tờ bản đồ số 04 diện tích 321,7m² có địa chỉ thôn Tân Quang xã Quang Khải huyện Tứ Kỳ và toàn bộ công trình trên đất, tổng cộng giá trị tài sản là 485.498.000 đồng. Ông Long và bà Nhã mỗi người được 1/2 giá trị tài sản tương ứng với số tiền 242.749.000 đồng.

Giao toàn bộ quyền sử dụng thửa đất 470 tờ bản đồ số 04 diện tích 321,7m² có địa chỉ thôn Tân Quang xã Quang Khải huyện Tứ Kỳ và toàn bộ công trình trên đất, tổng cộng giá trị tài sản là 485.498.000 đồng đồng là của bà Liên. Bà Liên có trách nhiệm thanh toán cho ông Từ số tiền 364.123.000 đồng, thanh toán cho bà số Hiệp tiền 60.687.250 đồng.

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Xuân T có đơn khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế của ông Vũ Văn Long, bà Nguyễn Thị Nhã là thửa đất số 470, tờ bản đồ số 4, diện tích 310 m² có địa chỉ tại thôn Tân Q, xã Quang K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương và các tài sản trên đất theo di chúc bà Nhã để lại, ông Long chết năm 2010, bà Nhã chết năm 2015. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ ngày mở thừa kế; ông Long, bà Nhã trước khi chết sinh sống trên nhà đất tại thôn Tân Q, xã Quang K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Do đó, xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp chia di sản thừa kế" theo quy định tại khoản 5 Điều 26 BLTTDS và Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thụ lý vụ án giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Vũ Thị H đã được Tòa án triệu tập 02 lần hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS

[1.3] Về áp dụng pháp luật:

Thời điểm ông Vũ Văn Long chết năm 2010, bà Nguyễn Thị Nhã lập di chúc và chết năm 2015 là thời điểm Bộ luật dân sự 2015 chưa có hiệu lực. Tuy nhiên về nội dung, hình thức của di chúc cũng như quy định của pháp luật về

thừa kế giữa Bộ luật dân sự 2005 và Bộ luật dân sự 2015 là như nhau nên trong vụ án này Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế:

Ông Vũ Văn Long và bà Nguyễn Thị Nhã không có con chung, không có con nuôi. Ông Long có bố đẻ là cụ Vũ Văn Vi chết năm 1996, mẹ đẻ là cụ Nguyễn Thị Cây chết năm 2021 và 02 em gái là bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị H. Bà Nhã có bố đẻ là cụ Nguyễn Văn Kịch chết năm 1974, mẹ đẻ là cụ Nguyễn Thị Tươi chết năm 1988 và 05 anh chị em là bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T.

Ông Long chết năm 2010 còn bà Nhã chết năm 2015 nên thời điểm mở thừa kế của ông Long là năm 2010 và những người được hưởng di sản do ông Long để lại là: cụ Nguyễn Thị Cây, bà Nguyễn Thị Nhã. Năm 2021 cụ Cây chết nên người được hưởng di sản do cụ Cây để lại từ việc hưởng di sản của ông Long là bà Vũ Thị L và bà Vũ Thị H.

Bà Nhã chết năm 2015 nên thời điểm mở thừa kế của bà Nhã là năm 2015 và những người được hưởng di sản do bà Nhã để lại là: bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T.

[2.2] Về di sản thừa kế: ông Long, bà Nhã chết có để lại tài sản là thửa đất số 470, tờ bản đồ số 4, diện tích 321,7 m² (gồm 300 m² đất trị giá 1m² là 1.050.000đ (và 21,7 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 1m² là 80.000đ) có địa chỉ tại thôn Tân Q, xã Quang K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Tứ Kỳ cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 10/7/2000 mang tên ông Vũ Văn Long và bà Nguyễn Thị Nhã và các tài sản trên đất gồm: 01 nhà mái bằng trị giá 131.411.700 đồng; 01 nhà cấp 4 trị giá 14.740.960 đồng; 01 nhà kho trị giá 2.491.640 đồng; 01 bể nước trị giá 8.413.213 đồng, 01 nhà bếp trị giá 1.690.000 đồng, 01 chuồng lợn + nhà vệ sinh trị giá 4.368.950 đồng, 01 bể nước cạnh vườn trị giá 2.691.369 đồng, 01 bể nước sau bể to trị giá 901.415 đồng, 01 nhà tắm trị giá 118.090 đồng, 01 sân trệt bê tông gạch vỡ 1.021.691 đồng, 02 trụ cổng trị giá 300.983 đồng, 02 cánh cổng trị giá 462.000 đồng, 01 đoạn tường rào trị giá 149.976 đồng. Tổng giá trị di sản ông Long, bà Nhã để lại là 485.498.000 đồng (Bốn trăm tám mươi năm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) (làm tròn). Ông Long và bà Nhã mỗi người để lại di sản là 242.749.000đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng)

[2.3] Xem xét di chúc do bà Nguyễn Thị Nhã lập ngày 22/10/2015 thì thấy: Bà Nguyễn Thị Nhã lập di chúc tại thời điểm bà đang điều trị tại Bệnh viện lao phổi Hải Dương, trong tình trạng tinh thần hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, tự nguyện. Do không thể tự viết nên đã nhờ bà Hoàng Thị Kim Huê đánh máy

lại ý nguyện của bà trước sự chứng kiến của ông Phạm Văn Huân, điều dưỡng viên Lê Thị Tố Nga và ông Tiêu Văn Khôi. Hình thức di chúc không trái quy định của luật, nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định là di chúc hợp pháp và người được hưởng di sản bà Nhã để lại là ông Nguyễn Xuân T.

[2.4] Về cách chia di sản thừa kế và hiện trạng giao đất:

- Tổng giá trị di sản ông Long, bà Nhã để lại là 485.498.000 đồng (Bốn trăm tám mươi năm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng)

Di sản của ông Long là: 242.749.000đ được chia cho hai kỷ phần gồm: cụ Cậy, bà Nhã. Như vậy mỗi kỷ phần được hưởng 121.374.500đ, do cụ Cậy đã chết nên kỷ phần của cụ Cậy do bà Liên, bà Hiệp là người thừa kế theo pháp luật của cụ được hưởng. Do đó bà Liên, bà Hiệp mỗi người được hưởng 60.687.250 đồng.

Di sản của bà Nhã để lại là: 242.749.000đ và phần được hưởng từ di sản ông Long để lại là 121.374.500đ. Tổng cộng 364.123.500đ được chia cho ông Nguyễn Xuân T là người thừa kế theo di chúc của bà Nhã được hưởng.

- Xem xét đối với tài sản là nhà đất thì thấy: Hiện nay thửa đất nêu trên dùng để thờ cúng cụ Vi, cụ Cậy, ông Long, bà Nhã không có ai ở trên đất. Bà Liên, bà Nhuận, ông Từ đều đã có nhà đất và thi thoảng sang thăm nom, dọn dẹp, thắp hương cho những người đã chết. Từ khi được chính quyền địa phương giao đất thì gia đình bà Liên đều cùng nhau sinh sống trên thửa đất này nên thấy rằng nguyện vọng của bà Liên dùng thửa đất này làm nơi thờ cúng là hoàn toàn hợp lý, phù hợp với đạo lý và truyền thống của người Việt Nam nên cần giao cho bà Liên được sở hữu, sử dụng toàn bộ thửa đất để thuận lợi cho việc thờ cúng bố mẹ cũng như vợ chồng anh trai bà. Do bà Liên được hưởng toàn bộ bằng hiện vật nên bà Liên có trách nhiệm thanh toán trả giá trị bằng tiền cho ông Từ và bà Hiệp tương ứng với phần mà ông Từ, bà Hiệp được hưởng.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo kỷ phần được hưởng. Ông Từ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228BLTTDS 2015; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 634, 643, 649, 650, 651, 660, 688, 357, 468 Bộ luật dân sự BLDS 2015; Các Điều 33, 38 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T về việc chia di sản thừa kế của ông Vũ Văn Long theo quy định pháp luật và chia di sản thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị Nhã lập ngày 22/10/2015.

2. Về di sản thừa kế và kỹ phân thừa kế:

- Xác định di sản thừa kế của ông Vũ Văn Long và bà Nguyễn Thị Nhã để lại là quyền sử dụng đối với thửa đất số 470, tờ bản đồ số 4, diện tích 321,7 m² có địa chỉ tại thôn Tân Q, xã Quang K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Tứ Kỳ cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 10/7/2000 mang tên ông Vũ Văn Long và bà Nguyễn Thị Nhã và các tài sản trên đất. Tổng giá trị tài sản là 485.498.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi năm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng*) (làm tròn). Ông Long và bà Nhã mỗi người để lại di sản là 242.749.000đ (*Hai trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng*)

Di sản của ông Long là: 242.749.000đ được chia cho hai kỹ phần gồm: cụ Cậy, bà Nhã. Như vậy mỗi kỹ phần được hưởng 121.374.500đ. Do cụ Cậy đã chết nên kỹ phần của cụ Cậy do bà Liên, bà Hiệp là người thừa kế theo pháp luật của cụ được hưởng. Bà Liên, bà Hiệp mỗi người được hưởng 60.687.250 đồng.

Di sản của bà Nhã để lại là: 242.749.000đ và phần được hưởng từ di sản ông Long để lại là 121.374.500đ. Tổng cộng 364.123.500đ được chia cho ông Nguyễn Xuân T là người thừa kế theo di chúc của bà Nhã được hưởng.

3. Về hiện trạng giao đất, các tài sản trên đất và trách nhiệm thanh toán:

- Giao cho bà Vũ Thị L được sở hữu, sử dụng thửa đất số 470, tờ bản đồ số 4, diện tích 321,7 m² có địa chỉ tại thôn Tân Q, xã Quang K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương và các tài sản trên đất trị giá 485.498.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi năm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng*) (làm tròn) được giới hạn bởi các điểm A1A2A3A4A5A6A7A8 (có sơ đồ kèm theo)

Bà Vũ Thị L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Bà Vũ Thị L có trách nhiệm thanh toán cho: thanh toán trả ông Nguyễn Xuân T số tiền 364.123.500đ (Ba trăm sáu mươi tư triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng) phần di sản thừa kế ông Từ được hưởng theo di chúc bà Nguyễn Thị Nhã; thanh toán trả cho bà Vũ Thị H số tiền 60.687.250 đồng (Sáu mươi triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành những khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Xuân T.

- Bà Vũ Thị L và bà Vũ Thị H mỗi bà phải chịu 3.034.000đ (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thành